TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2017
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Văn Hùng

Bà Trần Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 571/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Diễm T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện tại: ấp N, xã Đ, huyện M, tỉnh Long An. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Diễm T trình bày: bà và ông Nguyễn Văn C quen biết, tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý, bà và ông C tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn trong năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn, bà sống cùng với gia đình chồng tại xã M, huyện H, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Nhưng đến năm 2015, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có con, chịu áp lực từ gia đình chồng, vợ chồng bà bắt đầu bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả. Bà và ông C không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt, không còn hạnh phúc. Hiện tại, bà đã về sống với cha mẹ ruột tại xã Đ, huyện M, tỉnh Long An. Bà xác

định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông C không có con.

Về chia tài sản: Bà và ông C không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ ai.

Kèm theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Diễm T đã nộp cho Tòa án các chứng cứ như sau: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; Đơn xin xác nhận nơi cư trú ngày 19/6/2017; Sổ hộ khẩu; CMND Nguyễn Diễm T và Nguyễn Văn C (bản sao).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà T về quá trình chung sống, việc đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2015, nguyên nhân là do cưới nhau 09 năm nhưng vẫn chưa có con, ông và bà T chịu áp lực từ phía hai bên gia đình. Ông vẫn còn rất thương vợ, mong muốn được cơ hội sống chung để tiếp tục xây dựng cuộc sống gia đình, nhưng tại phiên tòa, bà T xác nhận không còn tình cảm với ông và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: ông và bà T không có con chung.

Về chia tài sản: Ông và bà T không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng ông không có nợ ai.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Diễm T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn C. Ông C đang cư trú tại xã N, huyện M, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung của vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Diễm T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Nguyễn Diễm T và ông Nguyễn Văn C tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 114108 quyển số 0I đăng ký ngày 27/8/2008 do Ủy ban nhân dân xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp, nên hôn nhân giữa bà T và ông C là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy, bà T và ông C sống chung với nhau được 09 năm. Từ năm 2015, bà T và ông Cđã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà T và ông C sống chung với nhau nhưng không có con, bà T chịu áp lực từ gia đình ông C dẫn đến vợ chồng ông bà bất đồng quan điểm, hay cãi vả. Thấy rằng, xuất phát từ việc sống chung với nhau, nhưng không có con giữa bà T và ông C là nguyên nhân chính dẫn đến yêu cầu xin ly hôn của bà T. Tại phiên tòa, các bên cũng thừa nhận vấn đề này. Hiện tại, bà T cũng đã bỏ về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột ở xã Đ, huyện M, tỉnh Long An. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa bà T và ông C là có thật, tình trạng hôn nhân không thể tiếp tục khéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông C là có cơ sở và ông C đồng ý ly hôn với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T và ông C là phù hợp.

[2.2] Về yêu cầu nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, bà Nguyễn Diễm T và ông Nguyễn Văn C xác định không có con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản: bà Nguyễn Diễm T và ông Nguyễn Văn C xác định không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: bà Nguyễn Diễm T và ông Nguyễn Văn C đều xác định không có nợ ai, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Diễm T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Diễm T.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Diễm T và ông Nguyễn Văn C.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Diễm T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000739 ngày 19/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà T nộp xong tiền án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã N, huyện M, tỉnh Long An *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương